



bản dịch

**CÔNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

Paris - 17/10/2003

CÔNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc, dưới đây gọi tắt là UNESCO, họp phiên thứ 32 tại Paris từ 29 tháng 9 đến 17 tháng 10 năm 2003,

Căn cứ vào các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, đặc biệt là Tuyên bố Toàn cầu về Nhân quyền năm 1948, Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa năm 1966, và Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966,

Xét đến tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể như là động lực chính của đa dạng văn hóa và là một đảm bảo cho sự phát triển bền vững, như đã được nhấn mạnh tại Khuyến nghị của UNESCO về Bảo vệ Văn hóa Truyền thống và Dân gian năm 1989, trong Tuyên bố Toàn cầu của UNESCO về Đa dạng Văn hóa năm 2001, và trong Tuyên bố Istanbul được Hội nghị bàn tròn các Bộ trưởng Văn hóa lần thứ 3 thông qua năm 2002,

Xét đến mối tương quan chặt chẽ giữa di sản văn hóa phi vật thể với di sản văn hóa vật thể và di sản thiên nhiên,

Ghi nhận rằng các quá trình toàn cầu hoá và chuyển đổi cơ cấu xã hội, cùng với những điều kiện khác đã tạo ra nhiều cơ hội đối thoại mới giữa các cộng đồng, đồng thời cũng làm nảy sinh, tương tự như hiện tượng của sự không khoan dung gây ra, những mối đe dọa về sự suy thoái, biến mất và hủy hoại các di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là do thiếu những nguồn lực dành cho việc bảo vệ loại hình di sản này,

Ý thức về nguyện vọng và mối quan tâm chung của nhân loại về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể,

Ghi nhận rằng các cộng đồng, đặc biệt là các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân bản địa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra, bảo vệ, duy trì và tái sinh di sản văn hóa phi vật thể, từ đó làm giàu thêm sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người,

Nhận thấy ảnh hưởng sâu rộng của các hoạt động của UNESCO trong việc tạo ra các văn kiện quy chuẩn cho việc bảo vệ di sản văn hóa, đặc biệt là Công ước Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới năm 1972,

Nhận thấy rằng hiện chưa có một văn kiện ràng buộc đa phương nào cho công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể,

Xét đến các hiệp định, khuyến nghị và quyết định quốc tế hiện hành liên quan đến di sản văn hóa và thiên nhiên cần phải được bổ sung và làm phong phú một cách có hiệu quả bằng các điều khoản mới liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể,

Xét đến sự cần thiết phải nâng cao nhận thức, nhất là đối với thế hệ trẻ, về tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể và việc bảo vệ chúng,

Xét đến việc cộng đồng quốc tế cần phải tham gia đóng góp, cùng với các Quốc gia thành viên của Công ước nhằm bảo vệ loại hình di sản này trên tinh thần hợp tác và tương trợ lẫn nhau,

Căn cứ các chương trình của UNESCO liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là Tuyên bố các Kiệt tác Di sản Truyền khẩu và Phi vật thể của nhân loại,

Xét đến vai trò tối quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể là yếu tố đưa nhân loại xích lại gần nhau hơn và đảm bảo sự giao lưu và hiểu biết lẫn nhau giữa mọi người,

Thông qua Công ước này vào ngày 17 tháng 10, năm 2003.

I. Các điều khoản chung

Điều 1 – Mục đích của Công ước

Mục đích của Công ước này là:

- (a) bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể;
- (b) đảm bảo sự tôn trọng đối với di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng, các nhóm người và các cá nhân có liên quan;
- (c) nâng cao nhận thức ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế về tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể, để từ đó đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lĩnh vực này;
- (d) tạo ra sự hợp tác và hỗ trợ quốc tế.

Điều 2 – Các định nghĩa

Đối với các mục đích của Công ước này,

1. “Di sản văn hóa phi vật thể” được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể

được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện Quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về phát triển bền vững.

2. "Di sản văn hóa phi vật thể" như định nghĩa ở Mục 1., ngoài các lĩnh vực khác, được thể hiện ở những hình thức sau:

- (a) các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể;
- (b) nghệ thuật trình diễn;
- (c) tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội;
- (d) tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ;
- (e) nghề thủ công truyền thống.

3. "Bảo vệ" là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hoá, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này.

4. "Các Quốc gia thành viên" được hiểu là các quốc gia chịu sự ràng buộc của Công ước này và đối với các quốc gia đó, khi Công ước này có hiệu lực.

5. Công ước này áp dụng đối với các vùng lãnh thổ được đề cập ở Điều 33, với một số chi tiết điều chỉnh cho phù hợp, là Quốc gia thành viên của Công ước dựa trên các điều kiện được nêu trong Điều khoản đó. Trong phạm vi đó, khái niệm "Các Quốc gia thành viên" cũng bao hàm các vùng lãnh thổ nói trên.

Điều 3 – Quan hệ với các văn kiện quốc tế khác

Không có nội dung nào trong Công ước này được hiểu là:

- (a) làm thay đổi tình trạng hay làm giảm bớt mức độ bảo vệ được đưa ra trong Công ước năm 1972 về bảo vệ các Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới, mà ở đó di sản văn hóa phi vật thể có liên quan trực tiếp; hoặc

- (b) làm ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Quốc gia thành viên theo những văn kiện quốc tế liên quan đến lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ hay việc sử dụng các nguồn tài nguyên về sinh vật học hay sinh thái học mà các quốc gia này có tham gia.

II. Các cơ quan của Công ước

Điều 4 – Đại hội đồng của các Quốc gia thành viên

1. Đại hội đồng của các Quốc gia thành viên được thành lập, dưới đây được gọi là "Đại hội đồng". Đại hội đồng là cơ quan tối cao của Công ước.
2. Đại hội đồng họp phiên thường kỳ hai năm một lần. Đại hội đồng có thể họp các phiên đặc biệt nếu có quyết định họp hoặc theo đề nghị của Ủy ban Liên chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể hoặc theo đề nghị của tối thiểu một phần ba số Quốc gia thành viên.
3. Đại hội đồng sẽ thông qua các Quy định về Thủ tục riêng.

Điều 5 – Ủy ban Liên Chính phủ về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể

1. Ủy ban Liên Chính phủ về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể, dưới đây được gọi tắt là "Ủy ban", theo đó được thành lập trong phạm vi của UNESCO. Ủy ban bao gồm các đại diện của 18 Quốc gia thành viên, do các Quốc gia thành viên bầu chọn tại cuộc họp của Đại hội đồng khi Công ước này có hiệu lực như ở Điều 34.
2. Số lượng Thành viên của Ủy ban sẽ là 24 nếu số Quốc gia thành viên của Công ước lên đến 50.

Điều 6 – Bầu cử và nhiệm kỳ của các Thành viên thuộc Ủy ban

1. Việc bầu cử các Thành viên của Ủy ban phải tuân theo nguyên tắc đại diện cân bằng về khu vực địa lý và luân phiên.
2. Các Quốc gia thành viên thuộc Ủy ban được bầu cho nhiệm kỳ 4 năm tại Hội nghị các Quốc gia thành viên của Công ước tại Đại hội đồng.
3. Tuy nhiên, một nửa số thành viên của Ủy ban được bầu lần đầu tiên có nhiệm kỳ hai năm. Các Thành viên này được bầu chọn bằng hình thức rút thăm tại cuộc bầu cử đầu tiên.
4. Hai năm một lần, Đại hội đồng sẽ thay đổi một nửa số Quốc gia thành viên của Ủy ban.
5. Thành viên của Ủy ban được bầu chọn sao cho vừa đủ vào các chỗ trống.

6. Một Quốc gia thành viên của Ủy ban không được bầu chọn hai lần liên tiếp.

7. Các Quốc gia thành viên của Ủy ban sẽ lựa chọn các đại diện của mình là những người có đủ năng lực về nhiều lĩnh vực khác nhau của di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 7 – Chức năng của Ủy ban

Không kể các đặc quyền mà Công ước dành cho Ủy ban, các chức năng của Ủy ban là:

- (a) thúc đẩy mục tiêu của Công ước, theo đó khuyến khích và giám sát quá trình thực hiện các mục tiêu đó;
- (b) đưa ra các hướng dẫn thực hành tốt nhất và khuyến nghị các biện pháp nhằm bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể;
- (c) soạn thảo và đệ trình lên Đại hội đồng đề thông qua dự thảo kế hoạch nhằm sử dụng các nguồn tài chính của Quỹ, theo Điều 25;
- (d) tìm kiếm các cách thức nhằm tăng cường các nguồn lực, và áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện mục đích này, theo Điều 25;
- (e) soạn thảo và đệ trình lên Đại hội đồng đề thông qua các định hướng hoạt động nhằm thực hiện Công ước này;
- (f) theo Điều 29, nghiên cứu các báo cáo của các Quốc gia thành viên và tóm tắt nội dung báo cáo cho Đại hội đồng;
- (g) xem xét yêu cầu của các Quốc gia thành viên để theo đó ra quyết định, dựa vào các tiêu chí lựa chọn do Ủy ban đặt ra và được Đại hội đồng thông qua nhằm:
 - (i) đưa vào danh sách và các đề xuất tại Điều 16, 17 và 18;
 - (ii) cung cấp nguồn hỗ trợ quốc tế theo Điều 22.

Điều 8 – Phương pháp làm việc của Ủy ban

1. Ủy ban phải có trách nhiệm trả lời các câu hỏi của Đại hội đồng. Ủy ban phải báo cáo lên Đại hội đồng các hoạt động cũng như quyết định của mình.

2. Ủy ban phải thông qua Quy định về Thủ tục riêng với sự nhất trí của hai phần ba tổng số thành viên.

3. Ủy ban phải thành lập, trên cơ sở tạm thời, các cơ quan tư vấn đặc biệt nếu thấy cần thiết nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

4. Ủy ban có thể mời các cơ quan nhà nước hay tư nhân hoặc các cá nhân được công nhận có năng lực trong các lĩnh vực khác nhau về di sản văn hóa phi vật thể tham gia các cuộc họp của mình để tham vấn họ về các vấn đề chuyên môn.

Điều 9 – Ủy nhiệm các tổ chức tư vấn

1. Ủy ban phải đề xuất lên Đại hội đồng việc ủy nhiệm các tổ chức phi chính phủ có uy tín trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể làm công tác tư vấn cho Ủy ban.

2. Ủy ban phải đề xuất lên Đại hội đồng các tiêu chí và thể thức của việc ủy nhiệm này.

Điều 10 – Ban Thư ký

1. Ủy ban sẽ được Ban Thư ký UNESCO trợ giúp.

2. Ban Thư ký sẽ phải chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội đồng và Ủy ban cũng như chuẩn bị dự thảo chương trình nghị sự của các cuộc họp và phải đảm bảo việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng và Ủy ban.

III. Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể ở cấp quốc gia

Điều 11 – Vai trò của các Quốc gia thành viên

Mỗi Quốc gia thành viên phải:

- (a) sử dụng các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ mình;
- (b) Cùng với các biện pháp bảo vệ đã đề cập tại Điều 2, Mục 3., cần nhận diện và xác định rõ các loại hình khác nhau của di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ mình, có sự tham gia của các cộng đồng, nhóm người và các tổ chức phi chính phủ có liên quan.

Điều 12 – Các danh mục thống kê

1. Để đảm bảo cho việc nhận diện nhằm mục đích bảo vệ, mỗi Quốc gia thành viên, dựa trên những điều kiện thực tế riêng, phải lập ra một hoặc nhiều danh mục thống kê về di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ mình. Những danh mục thống kê này sẽ được thường xuyên cập nhật.

2. Khi mỗi Quốc gia thành viên nộp báo cáo định kỳ cho Ủy ban, theo Điều 29, báo cáo này phải cung cấp các thông tin có liên quan tới các danh mục thống kê nói trên.

Điều 13 – Các biện pháp bảo vệ khác

Nhằm bảo vệ, phát triển và phát huy di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ mình, mỗi Quốc gia thành viên phải nỗ lực nhằm:

- (a) thông qua một chính sách chung nhằm mục đích phát huy vai trò của di sản văn hóa phi vật thể trong xã hội, và sát nhập việc bảo vệ loại hình di sản này vào các chương trình quy hoạch;
- (b) chỉ định hoặc thành lập một hoặc nhiều cơ quan đủ năng lực bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ mình;
- (c) tăng cường nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật cũng như phương pháp luận về nghiên cứu nhằm bảo vệ có hiệu quả di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là những di sản đang có nguy cơ thất truyền;
- (d) thông qua các biện pháp phù hợp về pháp lý, kỹ thuật, hành chính và tài chính nhằm:
 - (i) tăng cường việc thành lập hoặc củng cố các cơ quan đào tạo về quản lý di sản văn hóa phi vật thể và theo đó là công tác truyền dạy những di sản này thông qua các diễn đàn và không gian dành cho việc trình diễn hay thể hiện chúng;
 - (ii) đảm bảo sự tiếp cận với di sản văn hóa phi vật thể trên cơ sở tôn trọng các tập tục, quản lý việc tiếp cận với các phương diện cụ thể của loại hình di sản này;
 - (iii) thành lập các cơ quan lưu trữ tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể và tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận chúng.

Điều 14 – Giáo dục, nâng cao nhận thức và xây dựng năng lực

Mỗi Quốc gia thành viên phải nỗ lực bằng mọi biện pháp thích hợp nhằm:

- (a) đảm bảo sự công nhận, tôn trọng và đề cao di sản văn hóa phi vật thể trong xã hội, đặc biệt thông qua:
 - (i) các chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức và thông tin hướng đến quảng đại công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ;
 - (ii) các chương trình giáo dục và đào tạo cụ thể cho cộng đồng và các nhóm người có liên quan;

- (iii) các hoạt động xây dựng năng lực nhằm bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là công tác quản lý và nghiên cứu khoa học; và
- (iv) các biện pháp truyền thụ kiến thức phi chính thức;
- (b) làm cho công chúng được biết về những nguy cơ đe dọa loại hình di sản này cũng như các hoạt động được triển khai để thực hiện Công ước này;
- (c) thúc đẩy giáo dục việc bảo vệ các không gian tự nhiên và những địa điểm gắn với ký ức cần thiết cho việc thể hiện di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 15 – Sự tham gia của các cộng đồng, nhóm người và cá nhân

Trong khuôn khổ các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, mỗi Quốc gia thành viên cần phải nỗ lực để đảm bảo khả năng tham gia tối đa của các cộng đồng, nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân đã sáng tạo, duy trì và chuyển giao loại hình di sản này và cần phải tích cực lôi kéo họ tham gia vào công tác quản lý.

IV. Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể ở cấp quốc tế

Điều 16 – Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể Đại diện của Nhân loại

1. Nhằm đảm bảo tầm nhìn rõ ràng hơn về di sản văn hóa phi vật thể và nhận thức về tầm quan trọng của chúng, đồng thời khuyến khích đối thoại trên cơ sở tôn trọng đa dạng văn hóa, căn cứ những đề nghị của các Quốc gia thành viên, Ủy ban phải thiết lập, cập nhật và công bố Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể Đại diện của Nhân loại.
2. Ủy ban cần phải soạn thảo và đệ trình lên Đại hội đồng để thông qua các tiêu chí đối với việc thiết lập, cập nhật và công bố Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể Đại diện này.

Điều 17 – Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp

1. Với quan điểm thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp, Ủy ban cần phải thiết lập, cập nhật và công bố Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp và sẽ đưa những di sản loại này vào Danh sách theo yêu cầu của các Quốc gia thành viên.
2. Ủy ban sẽ soạn thảo và đệ trình lên Đại hội đồng để thông qua các tiêu chí đối với việc thiết lập, cập nhật và công bố Danh sách này.
3. Trong những trường hợp cực kỳ khẩn cấp – Đại hội đồng sẽ thông qua các tiêu chí khách quan này trên cơ sở đề xuất của Ủy ban – với sự cố vấn của Quốc

gia thành viên có liên quan, Ủy ban có thể đưa một loại hình di sản liên quan vào Danh sách đã nêu ở Mục 1. của Điều này.

Điều 18 – Các chương trình, dự án và các hoạt động nhằm bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể

1. Trên cơ sở đề xuất của các Quốc gia thành viên, theo các tiêu chí đã được Ủy ban quy định rõ và được Đại hội đồng thông qua, theo định kỳ, Ủy ban cần phải lựa chọn và thúc đẩy các chương trình, dự án và các hoạt động cấp quốc gia, tiểu vùng và khu vực về bảo vệ di sản theo đúng các nguyên tắc và mục tiêu của Công ước, có lưu ý đến các nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển.
2. Để đạt được mục đích đó, Ủy ban sẽ tiếp nhận, thẩm định và phê chuẩn các yêu cầu về hỗ trợ quốc tế từ các Quốc gia thành viên dành cho việc chuẩn bị các đề xuất như trên.
3. Ủy ban sẽ luôn theo sát việc triển khai các dự án, chương trình và hoạt động trên bằng việc phổ biến những kinh nghiệm thực hành tốt nhất thông qua việc sử dụng các biện pháp do Ủy ban quyết định.

V. Hợp tác và hỗ trợ quốc tế

Điều 19 – Hợp tác

1. Theo mục đích của Công ước này, ngoài những yếu tố khác, hợp tác quốc tế bao gồm việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm, các sáng kiến chung và thành lập một cơ chế hỗ trợ cho các Quốc gia thành viên trong nỗ lực bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.
2. Không gây ảnh hưởng đến những quy định của luật pháp quốc gia, luật tục và những tập quán khác, các Quốc gia thành viên nhận thức rằng việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể thuộc về mối quan tâm chung của nhân loại và với mục đích đó cần tiến hành hợp tác ở cấp độ song phương, tiểu vùng, khu vực và toàn cầu.

Điều 20 – Những mục đích của hỗ trợ quốc tế

Hợp tác quốc tế có thể được dành cho những mục đích sau:

- (a) bảo vệ di sản được ghi trong Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp;
- (b) chuẩn bị các danh mục thống kê trên tinh thần của Điều 11 và 12;
- (c) cung cấp hỗ trợ cho các chương trình, dự án và hoạt động được triển khai ở cấp quốc gia, tiểu vùng và khu vực nhằm bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể;

- (d) bất cứ mục đích nào khác mà Ủy ban xét thấy là cần thiết.

Điều 21 – Các hình thức hỗ trợ quốc tế

Sự hỗ trợ của Ủy ban đối với mỗi Quốc gia thành viên sẽ được quản lý theo hướng dẫn hoạt động được quy định tại Điều 7, theo thỏa thuận quy định tại Điều 24 và có thể theo những hình thức sau:

- (a) nghiên cứu về nhiều phương diện khác nhau của công tác bảo vệ;
- (b) cung cấp chuyên gia và người thực hành;
- (c) đào tạo toàn bộ đội ngũ nhân viên cần thiết;
- (d) xây dựng hệ thống tiêu chuẩn và các biện pháp khác;
- (e) thiết lập và vận hành các cơ sở hạ tầng;
- (f) cung cấp trang thiết bị và cách thức vận hành;
- (g) các hình thức hỗ trợ tài chính hoặc kỹ thuật khác, nếu phù hợp, gồm cả các khoản cho vay lãi suất thấp và viện trợ.

Điều 22 – Điều kiện quản lý hỗ trợ quốc tế

1. Ủy ban sẽ xây dựng thủ tục thẩm định những đề nghị hỗ trợ quốc tế và xác định rõ nội dung cần được nêu trong đề nghị đó, ví dụ như các biện pháp dự kiến và các hành động can thiệp cùng với dự toán kinh phí.
2. Trong trường hợp khẩn cấp, các đề nghị hỗ trợ phải được Ủy ban thẩm định như là đối tượng ưu tiên.
3. Để đạt được một quyết định, Ủy ban phải tiến hành nghiên cứu và tham khảo ý kiến cố vấn khi thấy cần thiết.

Điều 23 – Đề nghị hỗ trợ quốc tế

1. Mỗi Quốc gia thành viên có thể đệ trình lên Ủy ban đề nghị hỗ trợ quốc tế cho việc bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể hiện có trên lãnh thổ của mình.
2. Những đề nghị như vậy cũng có thể được đệ trình chung bởi hai hoặc nhiều Quốc gia thành viên.
3. Văn bản đề nghị phải bao gồm những thông tin được quy định trong Mục 1., Điều 22 kèm theo tư liệu cần thiết.

Điều 24 – Vai trò của các Quốc gia thành viên được hưởng lợi

1. Theo các điều khoản trong Công ước này, trợ cấp hỗ trợ quốc tế sẽ được quy định theo hình thức thỏa thuận giữa Quốc gia thành viên hưởng lợi và Ủy ban.
2. Theo nguyên tắc chung, trong phạm vi nguồn lực của mình, Quốc gia thành viên được hưởng lợi cũng sẽ phải chia sẻ chi phí của các biện pháp bảo vệ được quốc tế tài trợ.
3. Quốc gia thành viên hưởng lợi sẽ trình Ủy ban bản báo cáo về việc sử dụng các khoản hỗ trợ dành cho việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

VI. Quỹ Di sản văn hóa phi vật thể

Điều 25 – Bản chất và nguồn của Quỹ

1. Theo đây, “Quỹ bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể”, sau đây gọi tắt là “Quỹ”, được thành lập.
2. Quỹ này sẽ bao gồm các Quỹ ủy thác (Funds-in-trust) được thành lập theo Quy chế Tài chính của UNESCO.
3. Các nguồn của Quỹ sẽ bao gồm:
 - (a) đóng góp của các Quốc gia thành viên;
 - (b) các quỹ dành riêng cho mục đích này của Đại hội đồng UNESCO;
 - (c) đóng góp, quà tặng hay tài sản được hiến tặng của:
 - i. những quốc gia khác;
 - ii. các tổ chức và chương trình thuộc hệ thống Liên hiệp quốc, đặc biệt là Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc, cũng như các tổ chức quốc tế khác;
 - iii. các đoàn thể xã hội, tư nhân hoặc các cá nhân;
 - (d) mọi lợi tức có được nhờ các nguồn của Quỹ;
 - (e) các quỹ thu được từ quyên góp và các khoản thu từ những sự kiện được tổ chức nhằm gây Quỹ;
 - (f) bất kỳ nguồn nào khác phù hợp với các quy định của Quỹ do Ủy ban soạn thảo.

4. Việc sử dụng các nguồn quỹ của Ủy ban sẽ được quyết định trên cơ sở các nguyên tắc chỉ đạo do Đại hội đồng đề ra.
5. Ủy ban có thể chấp nhận các khoản đóng góp và những hình thức hỗ trợ khác cho những mục đích chung và riêng có liên quan đến những dự án cụ thể, với điều kiện những dự án này được Ủy ban chấp thuận.
6. Không một điều kiện nào về chính trị, kinh tế hoặc bất kỳ điều kiện nào khác không phù hợp với mục tiêu của Công ước này được phép gắn với những đóng góp cho Quỹ.

Điều 26 – Đóng góp của các Quốc gia thành viên cho Quỹ

1. Ngoài các đóng góp tự nguyện, tối thiểu là hai năm một lần, các Quốc gia thành viên của Công ước có trách nhiệm nộp vào Quỹ một khoản do Đại hội đồng quy định theo một tỷ lệ không thay đổi áp dụng cho tất cả các nước. Quyết định của Đại hội đồng phải được đa số các Quốc gia thành viên có mặt bỏ phiếu thuận, đây là vấn đề không đưa vào tuyên bố như đã nêu tại Mục 2. của Điều này. Trong mọi trường hợp, đóng góp của mỗi Quốc gia thành viên không vượt quá 1% đóng góp của quốc gia này cho ngân sách thường xuyên của UNESCO.
2. Tuy nhiên, tại thời điểm nộp văn kiện xác nhận, chấp thuận, phê chuẩn hoặc tham gia của mình, mỗi Quốc gia thành viên như quy định trong Điều 32 hay Điều 33 của Công ước này có thể tuyên bố quốc gia đó không bị ràng buộc bởi các điều khoản ở Mục 1. của Điều này.
3. Quốc gia thành viên đã đưa ra tuyên bố như ở Mục 2. của Điều này có thể rút lại tuyên bố nói trên bằng cách thông báo cho Tổng Giám đốc UNESCO. Tuy nhiên, việc rút lại tuyên bố này sẽ không có hiệu lực đối với phần đóng góp lệ phí của Quốc gia thành viên ấy cho tới thời điểm Đại hội đồng họp kỳ tiếp theo.
4. Nhằm khuyến khích Ủy ban thực hiện kế hoạch hoạt động một cách hiệu quả, việc đóng góp của các Quốc gia thành viên cho Công ước như đã nêu ở Mục 2. của Điều này cần phải được thực hiện đều đặn ít nhất là hai năm một lần và nên hạn chế thấp nhất việc nợ đóng góp nếu họ chịu sự ràng buộc của các điều khoản ở Mục 1. của Điều này.
5. Bất kỳ Quốc gia thành viên nào của Công ước này đang trong tình trạng nợ các khoản đóng góp bắt buộc hoặc tự nguyện của năm đó và theo niên lịch thì sẽ không đủ tư cách là Thành viên của Ủy ban; điều khoản này không áp dụng cho lần bầu cử đầu tiên. Nhiệm kỳ của bất kỳ quốc gia nào đã là thành viên của Ủy ban sẽ kết thúc vào thời điểm bầu cử như quy định tại Điều 6 của Công ước này.

Điều 27– Đóng góp tình nguyện bổ sung cho Quỹ

Những Quốc gia thành viên mong muốn đóng góp tự nguyện theo Điều 26 cần thông báo cho Ủy ban sớm nhất có thể để Ủy Ban lập kế hoạch hoạt động một cách phù hợp.

Điều 28 – Các cuộc vận động gây quỹ quốc tế

Các Quốc gia thành viên, trong chừng mực có thể, sẽ ủng hộ các cuộc vận động gây quỹ quốc tế được tổ chức vì lợi ích của Quỹ, dưới sự bảo trợ của UNESCO.

VII – Báo cáo

Điều 29 – Báo cáo của các Quốc gia thành viên

Các Quốc gia thành viên sẽ trình lên Ủy ban, theo hình thức và thời gian do Ủy ban xác định, các báo cáo về các biện pháp pháp chế, quy định và các biện pháp khác để thực hiện Công ước.

Điều 30 – Báo cáo của Ủy ban

1. Trên cơ sở của các hoạt động và báo cáo của Quốc gia thành viên được quy định tại Điều 29, Ủy ban sẽ đệ trình báo cáo tới Đại hội đồng tại mỗi phiên họp.
2. Báo cáo sẽ được trình bày trước Đại hội đồng UNESCO.

VIII. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 31 – Mối quan hệ với việc Công bố những Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của Nhân loại

1. Ủy ban sẽ đưa vào Danh sách các Di sản văn hóa phi vật thể Đại diện của Nhân loại những di sản được công bố là " Kiệt tác di sản truyền khẩu và phi vật thể của Nhân loại" khi Công ước này có hiệu lực.
2. Sự kết hợp của hai mục trên trong Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể Đại diện của Nhân loại hoàn toàn không có ảnh hưởng đến các tiêu chí cho các đợt công nhận trong tương lai mà phải được quyết định theo Điều 16, Mục 2..
3. Sẽ không có thêm Công bố kiệt tác nào sau khi Công ước này có hiệu lực.

IV. Các điều khoản cuối cùng

Điều 32 – Phê chuẩn, chấp nhận hay thông qua

1. Tùy theo thủ tục do hiến pháp quy định, Công ước này sẽ được Quốc gia thành viên UNESCO phê chuẩn, chấp nhận hoặc thông qua.

2. Các văn kiện phê chuẩn, chấp nhận hoặc thông qua phải được gửi lên Tổng Giám đốc UNESCO.

Điều 33 – Tham gia Công ước

1. Công ước này sẽ mở khả năng tham gia cho tất cả các quốc gia không chỉ là thành viên của UNESCO, được Đại hội đồng của UNESCO mời tham gia.

2. Công ước này cũng sẽ để mở khả năng tham gia cho những vùng lãnh thổ đang hưởng chế độ tự trị do Liên hiệp quốc công nhận nhưng chưa được độc lập hoàn toàn theo nghị quyết số 1514 (XV) của Đại hội đồng, và có đủ năng lực về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Công ước này, bao gồm cả khả năng tham gia vào các hiệp ước liên quan đến các vấn đề này.

3. Văn kiện tham gia Công ước phải được gửi lên Tổng Giám đốc UNESCO.

Điều 34 – Hiệu lực

Công ước này sẽ có hiệu lực từ 3 tháng sau khi có được 30 nước nộp văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia, nhưng chỉ đối với các quốc gia nộp văn kiện của nước mình trước hoặc đúng thời gian trên. Công ước sẽ có hiệu lực đối với bất kỳ Quốc gia thành viên nào khác sau ba tháng quốc gia đó nộp văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia của nước mình.

Điều 35 – Hệ thống pháp lý liên bang hoặc không đồng nhất

Các điều khoản sau sẽ áp dụng cho các Quốc gia thành viên có hệ thống hiến pháp liên bang hoặc không đồng nhất:

- (a) đối với các điều khoản của Công ước này, việc thực hiện dưới quyền lực pháp lý của liên bang hay trung ương, nghĩa vụ của chính phủ liên bang hoặc chính phủ trung ương sẽ được áp dụng giống như đối với các Quốc gia thành viên không phải là quốc gia liên bang;
- (b) đối với các điều khoản của Công ước này, việc thực hiện dưới phạm vi quyền lực pháp lý của các bang riêng biệt, các quốc gia, các tỉnh hay các vùng không chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật pháp liên bang, chính phủ liên bang sẽ phải thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền của các bang, các nước, các tỉnh hoặc các vùng này về những điều khoản nói trên cùng với các khuyến nghị của mình để họ thông qua.

Điều 36 – Tuyên bố bãi ước

1. Mỗi Quốc gia thành viên có quyền tuyên bố bãi ước đối với Công ước này.

2. Tuyên bố bãi ước phải được đưa ra bằng văn bản và nộp lên Tổng Giám đốc UNESCO.

3. Tuyên bố bãi ước sẽ có hiệu lực 12 tháng sau khi nhận được văn bản bãi ước. Tuyên bố bãi ước sẽ không ảnh hưởng gì đến nghĩa vụ về tài chính của quốc gia xin bãi ước cho đến ngày tuyên bố bãi ước có hiệu lực.

Điều 37 – Chức năng của người nhận văn bản

Tổng Giám đốc UNESCO, với tư cách là người nhận các văn bản gửi đến theo Công ước này, sẽ phải báo cho các Quốc gia thành viên của tổ chức này, các quốc gia không phải là thành viên của tổ chức này như được nêu ở Điều 33, cũng như Liên hiệp quốc, về các văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia như đã nêu ở Điều 32 và 33, kể cả các tuyên bố bãi ước như đã nêu ở Điều 36.

Điều 38 – Sửa đổi

1. Mỗi Quốc gia thành viên có thể đề xuất sửa đổi Công ước này bằng cách gửi văn bản lên Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ có trách nhiệm phổ biến thông tin này tới các Quốc gia thành viên. Nếu trong vòng 6 tháng kể từ ngày chuyên thông tin này mà có không quá một nửa các Quốc gia thành viên trả lời ủng hộ bằng văn bản thì Tổng Giám đốc sẽ đưa đề xuất này lên Đại hội đồng vào phiên họp tiếp theo để thảo luận và có thể thông qua.

2. Sửa đổi sẽ được thông qua nếu có 2/3 số Quốc gia thành viên có mặt bỏ phiếu thuận.

3. Một khi được thông qua, các sửa đổi trong Công ước được đệ trình để các Quốc gia thành viên phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia.

4. Khi có hai phần ba các Quốc gia thành viên đã phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia, phần sửa đổi sẽ có hiệu lực 3 tháng sau khi nộp văn kiện như đã nêu ở Mục 3. của Điều này. Do đó, đối với mỗi Quốc gia thành viên đã đồng ý phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia vào một phần sửa đổi, phần sửa đổi đó sẽ có hiệu lực ba tháng sau khi Quốc gia thành viên đó nộp văn kiện phê chuẩn, chấp nhận, thông qua hoặc tham gia.

5. Quy định về Thủ tục như đã nêu ở Mục 3. và Mục 4. không áp dụng cho Điều 5 liên quan đến số lượng các Quốc gia thành viên của Ủy ban. Các sửa đổi này sẽ có hiệu lực ngay khi chúng được thông qua.

6. Một quốc gia trở thành thành viên của Công ước này sau khi sửa đổi có hiệu lực như đã nêu ở Mục 4. của Điều này, nếu không có mục đích nào khác, sẽ được coi là:

- (a) Thành viên của Công ước đã được sửa đổi; và
- (b) Thành viên của Công ước chưa sửa đổi trong mối quan hệ với bất kỳ Quốc gia thành viên nào không bị ràng buộc bởi các phần sửa đổi.

Điều 39 – Các văn bản có hiệu lực

Công ước này đã được soạn bằng tiếng Ả-rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha, cả sáu văn bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 40 – Đăng ký

Để phù hợp với Điều 102 của Hiến chương Liên hiệp quốc, Công ước này sẽ được đăng ký với Ban Thư ký của Liên hiệp quốc theo đề nghị của Tổng Giám đốc UNESCO.

Công ước này được làm tại Paris, ngày 3 tháng 11 năm 2003 thành 2 bản gốc với chữ ký của Chủ tịch Đại hội đồng kỳ họp thứ 32 và Tổng Giám đốc UNESCO. Hai bản gốc sẽ được lưu tại Cục Lưu trữ của UNESCO. Các bản sao có chứng thực sẽ được chuyển tới các Quốc gia như đã nêu ở Điều 32 và 33, đồng thời cũng chuyển tới Liên hiệp quốc.

Văn bản trên là văn bản gốc của Công ước được Đại hội đồng UNESCO chính thức thông qua tại phiên họp thứ 32 tại Paris và bế mạc vào ngày 17 tháng 10 năm 2003.

VỚI SỰ CHỨNG KIẾN CỦA những người đã ký bản Công ước dưới đây vào ngày 3/11/2003

Chủ tịch Đại hội đồng

Tổng Giám đốc

Người dịch: Trần Hải Vân, Vụ Hợp tác - Quốc tế, Bộ Văn hóa - Thông tin
Hiệu đính: Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa - Thông tin và Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam.